BẢNG TK TỌA ĐỘ NÚT GIAO THÔNG

STT	Ký hiệu nút	Tọa độ	
		x	y
1	1	1,450.6386	2,565.7402
2	2	1,737.0207	2,410.4168
3	3	1,518.3427	2,356.7169
4	4	1,346.9132	2,341.0165
5	5	976.5766	2,315.6627
6	6	972.2311	2,272.7521
7	7	1,196.4713	2,254.5487
8	8	1,337.7338	2,243.2877
9	9	1,507.1120	2,229.6398
10	10	1,708.7855	2,213.4384
11	11	1,314.0150	1,971.5326
12	12	1,165.3545	1,913.8798
13	13	1,474.0659	1,887.2137
14	14	933.3436	1,823.4497
15	15	1,151.1541	1,746.0045
16	16	1,467.4633	1,743.9702
17	17	918.8394	1,653.1822
18	18	900.3535	1,434.5989
19	19	899.2305	1,379.6142
20	20	1,123.0689	1,308.1388
21	21	1,033.7641	972.6803
22	22	593.5884	855.8107
23	23	1,017.2085	820.4027
24	24	1,254.2039	799.5508
25	25	491.5638	780.2050
26	26	968.8610	616.2991
27	27	706.9516	607.1493
28	28	733.4236	545.5842
29	29	920.9788	446.1719
30	30	851.5958	292.9488

BẢNG THỐNG KÊ LỘ GIỚI HẺM

STT	Tên	Rộng (m)					Diện Tích (m²)
		Lộ Giới	Chiều Dài	Lề	Lòng	Lề	
01	HẺM		13,267.35				26,277.98
1	Hẻm 429	10.00	252.94	2.00	6.00	2.00	2,529.40
2	Hẻm 66	10.00	94.38	2.00	6.00	2.00	943.60
3	Hẻm 86	10.00	341.86	2.00	6.00	2.00	3,418.60
4	Hẻm 95	10.00	135.93	2.00	6.00	2.00	1,359.30
5	Hẻm 91	8.00	54.31	1.00	6.00	1.00	434.48
6	Hẻm 381	8.00	159.66	1.00	6.00	1.00	1,277.28
7	Hẻm 541	8.00	141.17	1.00	6.00	1.00	1,129.36
8	Hẻm 4	8.00	100.37	1.00	6.00	1.00	802.96
9	Hẻm 50	8.00	141.38	1.00	6.00	1.00	1,131.04
10	Hẻm 25	8.00	256.51	1.00	6.00	1.00	2,052.08
11	Hẻm 40	8.00	89.07	1.00	6.00	1.00	712.56
12	Hẻm 49	8.00	105.33	1.00	6.00	1.00	842.64
13	Hẻm 10	8.00	90.05	1.00	6.00	1.00	720.40
14	Hẻm 54	8.00	192.83	1.00	6.00	1.00	1,542.64
15	Hẻm 2	8.00	160.05	1.00	6.00	1.00	1,440.40
16	Hẻm 3	8.00	140.05	1.00	6.00	1.00	1,120.40
17	Hẻm 74	8.00	73.78	1.00	6.00	1.00	590.24
18	Hẻm 22	8.00	238.26	1.00	6.00	1.00	1,906.08
19	Hẻm 14/4	8.00	158.44	1.00	6.00	1.00	1,267.52
20	Hẻm 500	7.00	91.02	0.00	7.00	0.00	637.14
21	Hẻm 350	7.00	59.98	0.00	7.00	0.00	419.86

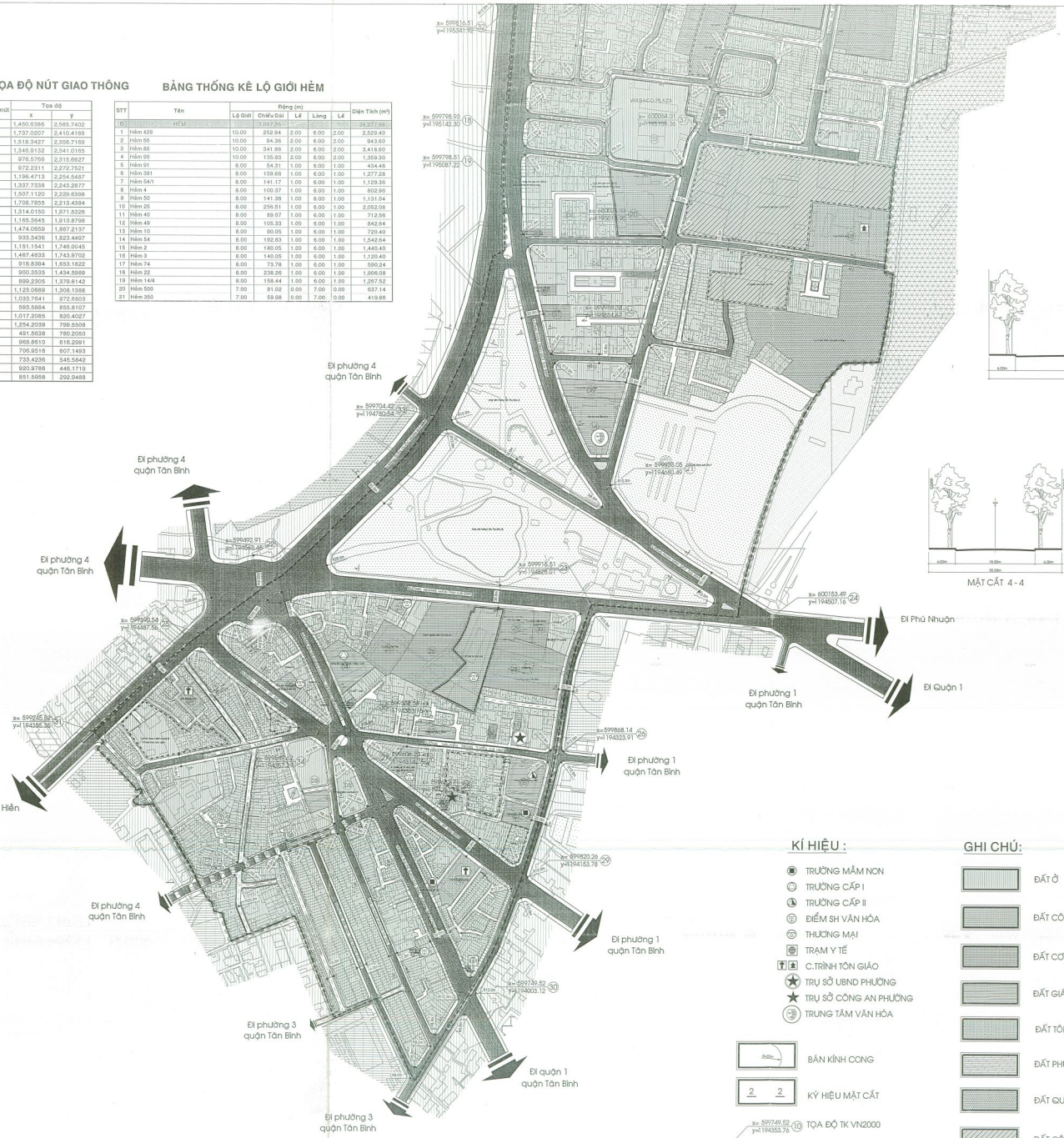

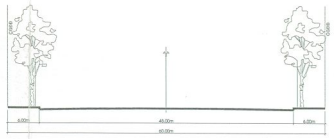
MẶT CẮT 1 - 1

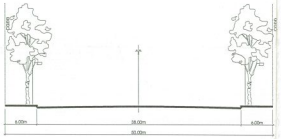
MẶT CẮT 2 - 2

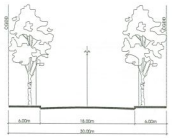
MẶT CẮT 3 - 3

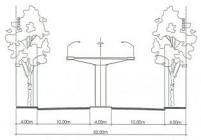
MẶT CẮT 3A - 3A

MẶT CẮT 4 - 4

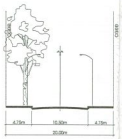
MẶT CẮT 5 - 5

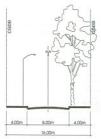
MẶT CẮT 6 - 6

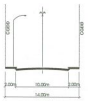
MẶT CẮT 7 - 7

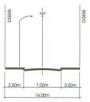
MẶT CẮT 7' - 7'

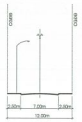
MẶT CẮT 8 - 8

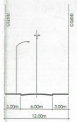
MẶT CẮT 8' - 8'

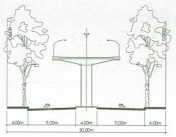
MẶT CẮT 9 - 9

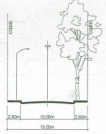
MẶT CẮT 10 - 10

KÍ HIỆU :

- TRƯỜNG MẦM NON
- TRƯỜNG CẤP I
- TRƯỜNG CẤP II
- ĐIỂM SH VĂN HÓA
- THƯƠNG MẠI
- TRẠM Y TẾ
- C.TRÌNH TÔN GIÁO
- TRỤ SỞ UBND PHƯỜNG
- TRỤ SỞ CÔNG AN PHƯỜNG
- TRUNG TÂM VĂN HÓA
- BÁN KÍNH CONG
- 2 2 KÝ HIỆU MẶT CẮT
- x= 599749.52 y=194353.76 (10) TỌA ĐỘ TK VN2000

GHI CHÚ:

- ĐẤT Ở
- ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
- ĐẤT CƠ QUAN, CÔNG TY
- ĐẤT GIÁO DỤC
- ĐẤT TÔN GIÁO
- ĐẤT PHỤC VỤ SÂN BAY
- ĐẤT QUÂN SỰ
- ĐẤT CÔNG NGHIỆP - KHO BÃI
- CÂY XANH CÔNG VIÊN - TDTT
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG CHÍNH
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG DỰ KIẾN
- GIAO THÔNG NỘI BỘ (HẺM)
- RANH HÀNH CHÁNH PHƯỜNG
- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- RANH Ô PHỐ
- RANH DỰ ÁN XÂY DỰNG GIAI ĐOẠN NGẮN HẠN
- RANH DỰ ÁN XÂY DỰNG GIAI ĐOẠN DÀI HẠN
- RANH DỰ ÁN XÂY DỰNG 1/500 ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT: ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ ... NGÀY 28 THÁNG 11 NĂM 2008
CHỦ TỊCH — Thái Thị Dự — KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: SỞ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC TP.HCM
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ... NGÀY 01 THÁNG 12 NĂM 2008
Trần Chí Dũng

CƠ QUAN THOẢ THUẬN:
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ
NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM .....

CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH Q.TÂN BÌNH
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ
NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM .....
Trần Công Hiếu

Công trình - địa điểm:
QH ĐIỀU CHỈNH CHI TIẾT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ TL 1/2000
KHU DÂN CƯ PHƯỜNG 2 - QUẬN TÂN BÌNH

Tên bản vẽ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH GIAO THÔNG VÀ CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ

BẢN VẼ : QH-03	GHÉP : 2A0	TỶ LỆ: 1/2.000	NGÀY: -/-/2008
THỂ HIỆN	KS. TRẦN VĂN CHÍ		
THIẾT KẾ	KS. TRẦN VĂN CHÍ		
CHỦ NHIỆM	Ths.KTS. HỒ VIẾT VINH		
QL.KỸ THUẬT	KS. ĐẶNG BỬU TIẾN		

GIÁM ĐỐC CÔNG TY
KTS . NGUYỄN ÁNH TUYẾT

ACEA — C.TY TNHH XÂY DỰNG - KIẾN TRÚC MIỀN NAM
ĐỊA CHỈ: 88 NGÔ ĐỨC CHỨ - QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH
ĐT: 8 229038 FAX: (84) (8) 8 270368

Công trình - địa điểm : QHCCTXDĐT TL 1/2000, KHU DÂN CƯ PHƯỜNG 2 - QUẬN TÂN BÌNH
Tên bản vẽ: BẢN ĐỒ QUY HOẠCH GIAO THÔNG VÀ CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ